

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Sáu Và ước 6 tháng đầu năm 2017

Thành phố Hà Nội triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2017 trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, xung đột căng thẳng diễn ra ở nhiều nơi; kinh tế trong nước còn hạn chế về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong khó khăn chung, Thành phố đã chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ngay từ đầu năm, kết quả cụ thể một số lĩnh vực như sau: Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh) tăng 2,9% so cùng kỳ; vốn đầu tư phát triển trên địa bàn (giá hiện hành) tăng 9,9%; tổng mức bán hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng 7,2%; kim ngạch xuất khẩu tăng 12,1%...

1. Sản xuất công nghiệp

1.1. Tình hình sản xuất kinh doanh.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) tháng Sáu tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành khai khoáng tăng 0,1% và 28,7%; Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 2,1% và 11,8%; Sản xuất và phân phối điện tăng 2,8% và 8,7%; Cung cấp nước và hoạt động thu gom xử lý rác, nước thải tăng 1,8% và 4,2%.

Cộng dồn 6 tháng năm 2017, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành khai khoáng giảm 37,5%; Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 6,3%; Sản xuất và phân phối điện tăng 8,6%; Cung cấp nước và hoạt động thu gom xử lý rác, nước thải tăng 3%.

Một số ngành có tốc độ tăng cao so với tốc độ tăng chung của toàn ngành như: Sản xuất trang phục (tăng 10,4%); Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (tăng 14,2%); Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (tăng 21,2%); Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính (tăng 7,2%); Sản xuất thiết bị điện (tăng 11,5%); Sản xuất giường tủ, bàn, ghế (tăng 35,4%)... Bên cạnh đó, một số ngành chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (giảm 1,7%); Sản xuất xe có động cơ (giảm 6,2%); Dệt (giảm 14,9%)...

Một số sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm so cùng kỳ: Bánh kẹo các loại 12.683 tấn, tăng 5,3%; Bia đóng chai 83 triệu lít, tăng 4,9%; Sản phẩm mây tre đan các loại 17 triệu sản phẩm, giảm 18,8%; Phân bón các loại 182 nghìn tấn, tăng 1,6%; Dung dịch đậm huyết thanh 4.823 nghìn lít, tăng 31,6%; Gạch xây dựng 301 triệu viên, giảm 10,4%; Tấm lợp bằng kim loại 63.884 tấn, tăng 1,1%; Tủ gỗ các loại 250 nghìn chiếc, tăng 26,3%; Bàn gỗ các loại 3.972 nghìn chiếc, tăng 37,6%...

Chỉ số tiêu thụ sản phẩm toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Năm tăng 11,1% so cùng kỳ; Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2017 tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước, trong 19 ngành công nghiệp chế biến chế tạo thì có 14 ngành có tốc độ tăng. Trong đó, những ngành có chỉ số tiêu thụ sản phẩm tăng khá so với bình quân chung toàn ngành như: Chế biến thực phẩm (tăng 9,9%), Sản xuất thuốc lá (tăng 12,9%), Sản xuất trang phục (tăng 20,5%), Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (tăng 22,6%); Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (tăng 30,3%); Sản xuất thiết bị điện (tăng 10,8%); Giường tủ bàn ghế (tăng 12,3%)... Các ngành sản xuất có chỉ số tiêu thụ sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước là: Sản xuất đồ uống (giảm 7,2%), Dệt (giảm 30%), Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (giảm 1,1%), Sản xuất kim loại (giảm 16,7%); Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (giảm 4,2%)...

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Năm tăng 14,4% so tháng trước. Trong đó một số ngành có sản phẩm chỉ số tồn kho tương đối cao như: Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (tăng 18,9%); Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (tăng 28,8%); Sản xuất sản phẩm điện tử (tăng 16,2%); Sản xuất thiết bị điện (tăng 17,3%)...

1.2. Tình hình biến động lao động trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tháng Sáu tăng 0,4% so với tháng trước và giảm 3% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: chỉ có doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài chỉ số sử dụng lao động tăng so cùng kỳ (tăng 4,3%), còn lại các doanh nghiệp trong nước chỉ số sử dụng lao động giảm so cùng kỳ (doanh nghiệp nhà nước giảm 6,3%, doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 13,5%). Trong 24 ngành công nghiệp cấp II thì có 10 ngành có chỉ số tăng, còn lại 14 ngành có chỉ số giảm; Một số ngành công nghiệp có chỉ số sử dụng lao động trong tháng Sáu tăng so cùng kỳ như: sản xuất chế biến thực phẩm (tăng 4,8%), sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (tăng 5,6%), sản xuất sản phẩm điện tử (tăng 13,1%)...

Cộng dồn 6 tháng, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp giảm 1,8% so cùng kỳ. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước giảm 2,7%, doanh

ngoại nhà nước giảm 12,3%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 4,3%.

2. Vốn đầu tư và đăng ký doanh nghiệp.

2.1. Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn.

Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước tính 6 tháng đầu năm 2017 đạt 117.281 tỷ đồng, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: vốn nhà nước trên địa bàn tăng 2,5% (*Riêng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tăng 3,2%*); vốn ngoài nhà nước tăng 17,2%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 7,3% (*Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ổn định, Thành phố lập các dự án tiềm năng để phối hợp chặt chẽ với nhà đầu tư, triển khai nghiên cứu thực hiện thủ tục đầu tư và tháo gỡ khó khăn vướng mắc nếu có để sớm đưa dự án vào thực hiện*).

Chia theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt 64.967 tỷ đồng, chiếm 55,4% tổng vốn đầu tư, tăng 10,4% so cùng kỳ năm trước; Vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất 28.589 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 24,4%, tăng 6,9%; Vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản, chiếm tỷ trọng 7,1%, tăng 8,5%; Vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động, chiếm tỷ trọng 11,5%, tăng 16%; còn lại là vốn đầu tư khác chiếm tỷ trọng 1,6%, tăng 6,4%.

05 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành của Thành phố sau khi sáp nhập đã hoạt động ổn định, các Ban đã tiến hành kiểm tra, rà soát các dự án đã được Thành phố giao làm chủ đầu tư, tổ chức tiếp nhận, bàn giao, chỉ đạo các nhà thầu khẩn trương tổ chức thực hiện. Nhìn chung, các dự án, công trình trọng điểm được triển khai đảm bảo theo yêu cầu kế hoạch.

** Tiến độ một số công trình, dự án trên địa bàn thành phố:*

Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhỏn - ga Hà Nội: Ước 6 tháng đầu năm thực hiện 2.708 tỷ đồng, dự án gồm 9 gói thầu chính (5 gói thầu xây lắp và 4 gói thầu thiết bị). Hiện đã ký hợp đồng 8 gói thầu xây lắp và thiết bị (CP01, CP02, CP03, CP04, CP05, CP06, CP07 và CP08), đang yêu cầu tư vấn khẩn trương đệ trình báo cáo thẩm tra cuối kỳ TKKT – dự toán và đóng dấu thẩm tra gói thầu số 9.

Dự án đường vành đai 3 đoạn Mai Dịch – Cầu Thăng Long: Ước thực hiện 6 tháng đạt 360 tỷ đồng, đạt 46,6% kế hoạch vốn. Dự án đã được khởi công, đang triển khai các hạng mục nền, cống thoát nước, hào kỹ thuật di chuyển công trình hạ tầng kỹ thuật trên mặt bằng được tiếp nhận.

Các dự án nâng cấp Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, Bệnh viện Thanh Nhàn, Bệnh viện Xanh Pôn cơ bản đã hoàn thành phần xây dựng, đang thực hiện thủ tục đấu thầu tập trung mua sắm trang thiết bị y tế đưa vào hoạt động. Các dự án:

Bệnh viện Nhi Hà Nội, Bệnh viện Ba Vì, Bệnh viện Thường Tín đang thực hiện thủ tục điều chỉnh thiết kế để đẩy nhanh tiến độ. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư dự án đầu tư Trung tâm phức hợp Bệnh viện Tim Hà Nội (tại Quận Tây Hồ), Bệnh viện đa khoa Hà Đông, Trung tâm nội soi tiêu hoá Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn theo Nghị quyết số 93/NQ-CP của Chính phủ.

Trung tâm Sản xuất tinh bò ứng dụng công nghệ cao tại khu bãi Vàng (xã Phù Đồng huyện Gia Lâm) cũng mới được khánh thành vào cuối tháng Năm, Trung tâm có quy mô diện tích 13 ha, tổng mức đầu tư khoảng 120 tỷ đồng. Giai đoạn I, Trung tâm được đầu tư các hạng mục chính gồm: Hệ thống văn phòng điều hành sản xuất, bể ủ dự trữ thức ăn, khu sản xuất chế biến thức ăn hoàn chỉnh, hệ thống nuôi bò chuyên dụng, bò hậu bị, bò đực giống, khu khai thác tinh, khu đồng cỏ, khu vận động trang bị hàng rào điện tử, dây chuyền sản xuất tinh bò đông lạnh dạng cọng rạ hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu...

2.2. Thu hút vốn đầu tư và đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Trong 6 tháng đầu năm, đã thu hút được 269 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký 1.053 triệu USD, tương đương 23.166 tỷ đồng (bằng 55,2% so với cùng kỳ năm 2016), số vốn thực hiện ước đạt 550 triệu USD (Ngoài ra, Thành phố đã ký Biên bản ghi nhớ với đối tác Nhật Bản đầu tư vào Hà Nội với số vốn là 5,15 tỷ USD)

Ngoài ra Thành phố còn chú trọng thu hút vốn đầu tư trong nước. Kết quả, vốn đăng ký của các dự án ngoài ngân sách nhà nước ước đạt 191 nghìn tỷ đồng, tăng 74,6% so với cùng kỳ năm 2016 (Trong đó, 58 dự án ngoài ngân sách với 34 nghìn tỷ đồng; 24 dự án thu hút theo hình thức PPP đạt 32 nghìn tỷ đồng).

Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng mạnh, ước tính 6 tháng, có 13.355 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 16% so cùng kỳ với tổng số vốn đăng ký đạt 101,5 nghìn tỷ đồng, tăng 2% so cùng kỳ.

3. Thương mại dịch vụ.

3.1. Nội thương.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng Sáu đạt 187.491 tỷ đồng, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ đạt 44.154 tỷ đồng, tăng 1,1% và 6,2%.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ 6 tháng đầu năm nay ước đạt 1.106 nghìn tỷ đồng, tăng 7,2% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ đạt 258.823 tỷ đồng, tăng 7,1%.

Xét theo thành phần kinh tế, tổng mức lưu chuyển hàng hóa 6 tháng đầu năm nay ở khu vực kinh tế nhà nước đạt 323 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% so cùng kỳ; khu vực ngoài nhà nước đạt 730 nghìn tỷ đồng, tăng 6,5% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 53 nghìn tỷ đồng, tăng 7,6%.

Xét theo ngành hoạt động, ngành thương nghiệp đạt 767 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so cùng kỳ 2016; ngành khách sạn, nhà hàng đạt 25 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2%; ngành du lịch đạt 5 nghìn tỷ đồng, tăng 4,1% và ngành dịch vụ đạt 309 nghìn tỷ đồng, tăng 7,1%.

3.2. Ngoại thương

- **Xuất khẩu:** Kim ngạch xuất khẩu tháng Sáu ước đạt 1.059 triệu USD, giảm 2,7% so với tháng trước và tăng 11,5% so cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 882 triệu USD, giảm 2,6% và tăng 11,6%.

Tính chung 6 tháng, kim ngạch xuất khẩu đạt 5.789 triệu USD, tăng 12,1% so cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 4.806 triệu USD, tăng 14,6% so cùng kỳ. Xuất khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu (2898 triệu USD, chiếm trên 50% tổng kim ngạch, tăng 20,8% so cùng kỳ).

Đóng góp nhiều nhất vào mức tăng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm nay là nhóm hàng linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi, tăng 29,6%; phương tiện vận tải và phụ tùng, tăng 30%; máy móc thiết bị phụ tùng, tăng 21,5%. Bên cạnh đó còn một số nhóm hàng xuất khẩu giảm so cùng kỳ là: Nông sản, giảm 8%; dệt may, giảm 6,1%; giấy dếp các loại và sản phẩm từ da, giảm 5,3%.

- **Nhập khẩu:** Kim ngạch nhập khẩu tháng Sáu ước đạt 2.557 triệu USD, tăng 1,1% so tháng trước và tăng 20,2% so cùng kỳ. Trong đó, nhập khẩu địa phương đạt 1.136 triệu USD, tăng 0,9% và tăng 21,3%.

Tính chung 6 tháng, kim ngạch nhập khẩu đạt 14.233 triệu USD, tăng 20,7% so cùng kỳ. Trong đó, nhập khẩu địa phương đạt 6.301 triệu USD, tăng 20,2% so cùng kỳ.

Chia theo ngành hàng nhập khẩu: kim ngạch nhập khẩu máy móc thiết bị, phụ tùng 6 tháng đầu năm 2017, tăng 6,9%; vật tư, nguyên liệu, tăng 6,5% (trong đó: Sắt thép, tăng 15,6%; phân bón, tăng 24,9%; hóa chất, tăng 37,7%;...) và hàng hóa khác, tăng 42,3%.

3.3. Du lịch

- Tháng Sáu: Khách quốc tế đến lưu trú tại Hà Nội ước đạt 235 nghìn lượt khách, giảm 7,8% so tháng trước và tăng 37,4% so cùng kỳ năm trước; Khách trong nước đến Hà Nội ước đạt 818 nghìn lượt khách, tăng 0,2% so tháng trước

và tăng 4,5% so cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành ước tăng 1,1% so tháng trước và 9,9% so cùng kỳ.

- Trong 6 tháng đầu năm, Thành phố đã tổ chức thành công các sự kiện quảng bá du lịch Hà Nội tại các sự kiện như: Đón vị khách quốc tế đầu tiên đến Hà Nội, Chương trình Du xuân hữu nghị với 300 đại sứ tham gia, phối hợp tổ chức thành công Hội chợ Du lịch Quốc tế VITM-Hà Nội 2017, Hội chợ du lịch quốc tế ITB Berlin 2017. Hoàn thiện giải pháp xây dựng hệ thống du lịch thông minh thành phố Hà Nội trên kênh truyền hình quốc tế CNN năm 2017, thực hiện thí điểm xây dựng logo, biển chỉ dẫn và sản phẩm du lịch tại một số điểm du lịch trên địa bàn Thành phố. Kết quả 6 tháng đầu năm, khách trong nước đến Hà Nội đạt 4.896 nghìn lượt khách, tăng 5,1% so cùng kỳ, khách quốc tế đến có lưu trú tại Hà Nội ước đạt 1.746 nghìn lượt khách, tăng 17,3% so cùng kỳ.

Chia theo mục đích chuyến đi: Trong 6 tháng qua, khách quốc tế đến với mục đích du lịch, nghỉ ngơi ước đạt 1.429 nghìn lượt người, chiếm 81,8% và tăng 15,4% so cùng kỳ; khách đến vì công việc đạt 278 nghìn lượt người, chiếm 15,9%, tăng 41,9%; khách đến thăm người thân đạt 4 nghìn lượt, tăng 11,1% và mục đích khác đạt 39 nghìn lượt, giảm 30,7% so cùng kỳ. *Chia theo thị trường đến:* Trung Quốc đạt 323 nghìn lượt khách, tăng 27,5% so cùng kỳ; Hàn Quốc, 276 nghìn lượt, tăng 43,6%; Pháp, 98 nghìn lượt, tăng 11,9%; Đức, 64 nghìn lượt, tăng 9,9%;... *Chia theo phương tiện đến:* Khách đến bằng đường hàng không đạt 1.493 nghìn lượt, tăng 17,9%; khách đến bằng đường biển, giấy thông hành đạt 253 nghìn lượt, tăng 13,6%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành 6 tháng ước đạt 29.746 tỷ đồng, tăng 7,5% so cùng kỳ.

3.4. Vận tải

Vận tải hàng hóa: Tháng Sáu, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 57 triệu tấn, tăng 0,9% so tháng trước và tăng 9,8% so cùng kỳ năm trước. Khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 4.692 triệu tấn.km, tăng 0,9% và tăng 9,9%. Doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 2.357 tỷ đồng, tăng 1% và 8,1%. Tính chung 6 tháng, khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng 7,5%; khối lượng hàng hóa luân chuyển tăng 8,6% và doanh thu tăng 7,9% so cùng kỳ.

Vận chuyển hành khách: Tháng Sáu, số lượt hành khách vận chuyển đạt 44 triệu hành khách, tăng 0,5% so tháng trước và tăng 7,3% so cùng kỳ năm trước. Số lượt hành khách luân chuyển đạt 1.330 triệu hành khách.Km, tăng 0,8% và tăng 11,3%. Doanh thu vận chuyển hành khách đạt 1.112 tỷ đồng, tăng 0,6% và tăng 7,3%. Tính chung 6 tháng, số lượt hành khách vận chuyển tăng 5,9% so cùng kỳ; số lượt hành khách luân chuyển tăng 8,9%; doanh thu vận chuyển hành khách tăng 7,1%.

Hoạt động hỗ trợ vận tải (cảng, bốc xếp,...) ước tính doanh thu tháng 6 đạt 3.200 tỷ đồng, tăng 0,8% so tháng trước và tăng 6,6% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng, doanh thu hoạt động hỗ trợ vận tải tăng 6,8%.

3.5. Thị trường giá cả

Chỉ số giá tiêu dùng Tháng Năm giảm 0,76% so tháng trước và tăng 2,52% so cùng kỳ, Trong đó 3 nhóm hàng đóng góp làm chỉ số giá tháng Năm giảm so tháng trước có Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, giảm 1,52% (Trong đó giá thực phẩm giảm là chính); Nhóm nhà ở, vật liệu và chất đốt giảm 0,47% và nhóm giao thông giảm 0,29%.

Dự kiến chỉ số giá tiêu dùng tháng Sáu sẽ tiếp tục giảm. Nguyên nhân khiến chỉ số giá tháng Sáu giảm là do nhóm lương thực, thực phẩm là 2 nhóm có quyền số lớn nhất trong rổ hàng hóa giảm. Giá gạo giảm khiến cho nhóm lương thực giảm. Nhóm thực phẩm vẫn tiếp tục giảm do giá thịt lợn tháng trước giảm mạnh nên giá bình quân tháng này vẫn giảm. Thịt gà, gia cầm cũng giảm nhẹ. Một số loại rau như bắp cải, cà chua, su hào... tăng mạnh; rau muống, đỗ quả giảm,... Vật liệu xây dựng thì thép, gạch giảm nhẹ các mặt hàng khác đứng giá. Một số đồ dùng gia đình như điều hòa nhiệt độ, quạt điện tăng mạnh khiến cho nhóm đồ dùng khả năng sẽ có chỉ số tăng nhưng mức tăng không đáng kể.

4. Sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất Nông nghiệp tiếp tục phát triển do thời tiết thuận lợi, tuy nhiên do tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân giảm 3,85% nên tổng sản lượng cây lương thực có hạt giảm 2,6% so với cùng kỳ. Chăn nuôi và thủy sản tăng trưởng khá với số lượng đầu con gia súc, gia cầm tăng 6,2%; sản lượng thịt gia súc, gia cầm tăng 5,2%, sản lượng sữa tăng 8,1%; sản lượng trứng các loại tăng 4,2% so cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp trong 6 tháng qua của Hà Nội tương đối thuận lợi về thời tiết, sâu bệnh trên cây trồng không đáng kể, dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi không xảy ra. Tuy vậy, giá thịt lợn hơi xuất chuồng xuống thấp đã ảnh hưởng mạnh đến thu nhập của người chăn nuôi.

4.1. Trồng trọt

4.1.1. Cây hàng năm: Hiện nay toàn Thành phố đã cơ bản thu hoạch xong lúa xuân và chuẩn bị kế hoạch gieo trồng vụ mùa. Theo báo cáo tiến độ, đến nay các huyện phía Tây, Nam Thành phố đã cơ bản thu hoạch xong, còn một số huyện phía Bắc như: Sóc Sơn, Đông Anh và Gia Lâm đến nay đã thu hoạch trên 91% diện tích.

Về diện tích: Vụ đông xuân, toàn Thành phố gieo trồng được 157.021 ha, giảm 3,8% so với cùng kỳ năm trước (giảm chủ yếu ở các cây trồng vụ đông và cây lúa vụ xuân). Trong đó, diện tích lúa 96.903 ha, giảm 2,6%; ngô 14.896 ha,

giảm 6,2%; khoai lang 2.837 ha, giảm 9,3%; đậu tương 7.308 ha, giảm 34,3%; rau các loại 24.737 ha, tăng 4,7%;... Riêng cây lúa, diện tích gieo trồng giảm được tập trung chủ yếu ở các huyện: Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm, Mê Linh, Hà Đông, Phúc Thọ, Thường Tín, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Mỹ Đức. Nguyên nhân chính là do Nhà nước thu hồi đất vào các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng (cây lâu năm) và chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản,...

Về năng suất: Năng suất lúa ước đạt 61,2 tạ/ha, tăng 0,4%; ngô 49,3 tạ/ha, tăng 0,2%; khoai lang 106,2 tạ/ha, tăng 6,2%; đậu tương 17,4 tạ/ha, tăng 11,4%; rau các loại 215,3 tạ/ha, tăng 2,2% so với vụ đông xuân năm 2016. Đối với cây lúa, đầu vụ thời tiết khá thuận lợi, không bị ảnh hưởng bởi rét đậm, rét hại nên cây mạ và lúa mới cấy phát triển tốt, nhưng đến thời kỳ sinh trưởng lại gặp thời tiết nắng nhiều, mưa ít nên cây lúa phát triển kém, khóm nhỏ, cây thấp. Tuy nhiên đến thời kỳ lúa trổ lại gặp thời tiết thuận lợi nên tỷ lệ hạt chắc khá cao, mặt khác, sâu bệnh trên cây lúa ở mức rất thấp, chỉ gây hại nhẹ cục bộ trên diện tích rất nhỏ, hơn nữa một số đơn vị đã mạnh dạn đưa giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, nên năng suất dự báo cũng tăng hơn so với cùng kỳ.

Về sản lượng: Lúa ước đạt 592.597 tấn, giảm 2,2%; ngô 73.383 tấn, giảm 6%; khoai lang 30.127 tấn, giảm 3,7%; đậu tương 12.677 tấn, giảm 26,8%; rau các loại 532.676 tấn, tăng 7%... so với vụ đông xuân năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do diện tích giảm nên sản lượng giảm.

4.1.2. Cây lâu năm: 6 tháng đầu năm nay, tổng diện tích gieo trồng cây lâu năm trên địa bàn thành phố Hà Nội sẽ không có biến động lớn so với cùng kỳ năm trước nhưng cơ cấu các loại cây trồng có sự thay đổi để phù hợp với điều kiện canh tác của từng địa phương và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Ước tính, diện tích cây lâu năm hiện có là 20.473 ha, giảm 0,9% so với cùng kỳ. Trong đó, cây ăn quả 16.729 ha, giảm 0,1% (diện tích một số cây ăn quả như sau: Xoài 371 ha, giảm 2,2%; chuối 3.246 ha, giảm 0,7%; thanh long 101 ha, giảm 1,1%; dứa 184 ha, giảm 3,6%; đu đủ 860 ha, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm 2016, ...); Chè 3.202 ha, giảm 4,5%; cây gia vị, cây dược liệu lâu năm 179 ha, giảm 2,1%;...

4.2. Chăn nuôi

Theo kết quả điều tra chăn nuôi 1/4, đàn trâu hiện 24.237 con, giảm 3,2% so với cùng kỳ; đàn bò 137.978 con, giảm 5,8% (trong đó, bò sữa 15.390 con, giảm 3,8%); đàn lợn 1.653 nghìn con, tăng 7,1%; đàn gia cầm 28 triệu con, tăng 6,2% (trong đó, đàn gà 19 triệu con, tăng 7,6%) so với cùng kỳ.

Về sản lượng sản phẩm chăn nuôi: Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 773 tấn, tăng 1,2%; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 5.076 tấn, tăng 0,8%;

sản lượng sữa tươi đạt 18.803 tấn, tăng 8,1%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 167.085 tấn, **tăng 5,6%**; sản lượng thịt gia cầm hơi gia cầm xuất chuồng đạt 45.199 tấn, tăng 4,4%; sản lượng trứng gia cầm trong kỳ 728 triệu quả, tăng 4,2% (trong đó: Sản lượng thịt gà hơi xuất chuồng 35.069 tấn, tăng 5,2%, sản lượng trứng gà 386 triệu quả, tăng 4,2% so với cùng kỳ 2016)

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm từ đầu năm đến nay được kiểm soát tốt. Tỷ lệ đàn gia súc, gia cầm mắc các bệnh truyền nhiễm thông thường thấp, tỷ lệ chữa khỏi cao, hiện không xảy ra dịch tai xanh, lở mồm long móng và cúm gia cầm. Tuy nhiên với thời tiết nắng nóng kéo dài, nhiệt độ luôn ở mức độ cao nên công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm luôn được quan tâm và theo dõi chặt chẽ.

Về tiêm phòng: Chi cục Thú y phối hợp với các quận, huyện, thị xã tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác tiêm phòng đại trà cho đàn vật nuôi ngoài diện được hỗ trợ. Kết quả tiêm được: Vắc xin 04 bệnh đỏ 54.277 lượt con; trong đó, dịch tả lợn: 22.985 lượt con; vắc xin tai xanh 21.651 lượt con; vắc xin lở mồm long móng lợn 275 lượt con; vắc xin cúm gia cầm 91.297 lượt con;...

4.3. Lâm nghiệp

Ước tính 6 tháng đầu năm diện tích rừng được trồng mới 147 ha, tăng 4,3% so với cùng kỳ, trong đó rừng sản xuất trồng mới 82 ha, giảm 33,3%, rừng phòng hộ trồng được 65 ha, tăng 261% so với cùng kỳ 2016. Diện tích rừng trồng được giao chăm sóc là 875 ha, tăng 5,2%. Diện tích rừng được giao khoán bảo vệ 10.824 ha, giảm 0,2%. Số cây lâm nghiệp phân tán đã trồng 614 ngàn cây, tăng 2,3% so với cùng kỳ.

Tình hình khai thác gỗ và lâm sản 6 tháng đầu năm chủ yếu tập trung ở khu vực rừng trồng. Các loại cây khai thác phần lớn là cây Bạch đàn, Keo làm nguyên liệu giấy và gỗ chống lò, cốp pha xây dựng. Tổng số gỗ khai thác ước tính 4.481 m³, tăng 2,4%; củi khai thác được 23.289 Ste, tăng 1,7%;...

Thiệt hại rừng: Tính chung 6 tháng đầu năm nay, toàn Thành phố đã xảy ra 13 vụ cháy rừng, với diện tích 61,2 ha, giá trị thiệt hại chưa ước tính được. Tính riêng từ đầu tháng 6 đến nay, do thời tiết nắng, nóng nên đã xảy ra 3 vụ cháy rừng:

- 01 vụ tại xã Vân Hòa, huyện Ba Vì với diện tích cháy 1.100 m² (tương đương 1,1 ha). Cháy thực bì dưới tán rừng Keo trồng thuần loài, năm trồng 2013.

- 01 vụ tại xã Nam Sơn huyện Sóc Sơn với diện tích cháy khoảng 50.000 m² (tương đương 50 ha). Cháy thực bì dưới tán rừng thông, keo cấp tuổi III+ IV+V và Bạch đàn chồi.

- 01 vụ tại Vườn quốc gia Ba Vì với diện tích cháy: 1.600 m² (tương đương 1,6 ha). Cháy thực bì dưới tán rừng cây Bương Mốc.

Vi phạm pháp luật: Từ đầu năm đến nay đã xử lý 42 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, tịch thu 15 con động vật hoang dã; tổng gỗ quy tròn 23,7 m³ (trong đó, 16,9 m³ gỗ quý hiếm), phạt hành chính, bán lâm sản tịch thu được 844 triệu đồng.

4.4. Thủy sản

Nhìn chung 6 tháng đầu năm 2017 diện tích nuôi trồng vẫn được nuôi thả theo đúng kế hoạch. Ước tính diện tích nuôi trồng thủy sản toàn Thành phố đạt 20.771 ha, tăng 3% so với cùng kỳ.

Diện tích nuôi thả trong tháng ước đạt 2.036 ha, tăng 1% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng, diện tích đã thả ước đạt 10.192 ha, tăng 0,8% so với cùng kỳ. Diện tích thu hoạch trong tháng ước đạt 1.276 ha, lũy kế diện tích đã thu hoạch ước đạt 9.638 ha, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2016.

Sản lượng thủy sản thu hoạch trong tháng ước tính 6.086 tấn, lũy kế từ đầu năm đến nay, sản lượng thu hoạch ước đạt 43.260 tấn, tăng 5,9%. Trong đó, sản lượng nuôi trồng thu hoạch trong tháng 5.834 tấn, lũy kế 6 tháng đạt 42.406 tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ. Sản lượng khai thác trong tháng ước đạt 250 tấn, tăng 10,1%; lũy kế từ đầu năm đến nay sản lượng khai thác đạt 852 tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ. Sản xuất cá giống trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước đạt 1.068 triệu con các loại, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2016.

5. Một số vấn đề xã hội

5.1. Đời sống dân cư , giải quyết việc làm và an sinh xã hội

5.1.1. Đời sống dân cư

Tiền lương bình quân của cán bộ công nhân viên trong Thành phố dao động từ 3,5 triệu đồng/tháng đến 5 triệu đồng/tháng, tuy tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế tăng trong những năm gần đây và thu nhập của dân cư có tăng thêm nhưng một bộ phận nông dân và cán bộ công chức có mức thu nhập trung bình hoặc thấp vẫn gặp rất nhiều khó khăn khi giá cả một số mặt hàng thiết yếu tăng lên.

Đối với khu vực nông thôn: Không nằm ngoài tình hình biến động về giá cả, người dân nông thôn Hà Nội đang phải chịu áp lực của quỹ chi tiêu ngày một nở rộ ra theo sức tăng của giá tiêu dùng trong khi nguồn thu nhập không tăng nhiều. Tuy nhiên, do có chính sách kinh tế của Nhà nước như thực hiện tích cực chủ trương dồn điền đổi thửa của huyện ủy, UBND các huyện đã cho phép các xã, HTX sản xuất nông nghiệp chuyển một số diện tích đất trồng trọt sản xuất

không có hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản hoặc trồng cây khác có giá trị kinh tế cao. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đầu tư vốn sản xuất cho nông nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất cây trồng ngày càng cao giúp cho thu nhập của nông dân có phần cải thiện hơn.

Trong 6 tháng qua, nhờ có sự năng động của người nông dân trong trồng trọt chăn nuôi như mạnh dạn đầu tư nuôi kết hợp bò sinh sản, bò lấy sữa và đặc biệt đang tích cực đầu tư phát triển bò lấy thịt cung cấp cho thị trường thủ đô đồng thời nâng cao chất lượng thịt của đàn gia súc gia cầm trong những năm gần đây thêm vào đó là sự phát triển những ngành nghề mới có khả năng sinh lời cao hơn so với làm nông nghiệp như: nghề thủ công mỹ nghệ, mở rộng làng nghề truyền thống, tham gia vào nhiều hoạt động thương nghiệp... đưa thu nhập của người nông dân lên cao hơn, giữ cho đời sống nông dân Hà Nội được ổn định và có chiều hướng đi lên.

5.1.2. Giải quyết việc làm

Thành phố đã giải quyết việc làm cho 89.000/152.000 người, đạt 58,5% kế hoạch, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước; xét duyệt 1.750 dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm với số tiền 638 tỷ đồng, tạo việc làm cho 16.350 lao động. Tổ chức 49 phiên giao dịch việc làm với 1.491 doanh nghiệp, đơn vị tham gia, có 4.939 lao động được tuyển dụng. Giải quyết 20.350 hồ sơ đề nghị giải quyết trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp thất nghiệp cho 20.019 người, hỗ trợ học nghề cho 779 người

5.1.3. An sinh xã hội

Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố về việc tổ chức thực hiện chính sách đối với người và gia đình có công với cách mạng, đối tượng chính sách xã hội nhân dịp Tết cổ truyền Đinh Dậu, với tinh thần uống nước nhớ nguồn, tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, bằng tình thương và trách nhiệm của các ngành, các cấp, các Đoàn thể, nhân dân,... giúp nhau để mọi người có Tết. Trong dịp Tết Nguyên đán toàn Thành phố đã tặng 1,3 triệu suất quà cho người hưởng chính sách ưu đãi người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội, người khuyết tật, người có hoàn cảnh khó khăn, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, cán bộ hưu trí, mất sức, người lao động có hoàn cảnh khó khăn với tổng kinh phí 428 tỷ đồng, tăng 42 tỷ đồng so với Tết 2016.

Tổ chức rà soát, thống kê số lượng thương binh, bệnh binh, người khuyết tật sử dụng xe 3 bánh tự chế tham gia giao thông; xây dựng chính sách hỗ trợ thương, bệnh binh, người khuyết tật đảm bảo cuộc sống, thay cho việc sử dụng xe 3 bánh làm công cụ kinh doanh. Giải quyết chế độ ưu đãi người có công cho 12.900 trường hợp.

Trong 5 tháng đầu năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã ra quyết định tiếp nhận 348 đối tượng bảo trợ xã hội vào các trung tâm BTXH, trong đó có 236 người lang thang; đề nghị cấp mới, đổi, cấp lại 186 thẻ xe buýt cho người khuyết tật, người có công. Ban Phục vụ lễ tang Hà Nội đã thực hiện 6.314 ca hỏa táng, giải quyết 549 trường hợp mai táng tại các nghĩa trang của Thành phố.

Trong 5 tháng đầu năm, các trung tâm Chữa bệnh, Giáo dục lao động xã hội, quản lý sau cai nghiện ma túy đã tiếp nhận vào cai nghiện bắt buộc cho 312/500 người, đạt 62,4% kế hoạch năm, ước đến hết tháng 6/2017, tổ chức tiếp nhận vào cai nghiện bắt buộc cho 400/500 người, đạt 80% kế hoạch năm; tiếp nhận vào cai nghiện tự nguyện cho 897/2.000 người, đạt 45% kế hoạch năm, ước đến hết tháng 6 năm 2017, tổ chức tiếp nhận cai nghiện tự nguyện cho 1.160/2.000 người, đạt 58% kế hoạch năm; tiếp nhận quản lý sau cai 3 người. Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục lao động xã hội số V tiếp nhận 26 người vào điều trị bằng Methadone. 03 cơ sở cai nghiện tự nguyện (Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Bạch Đằng, Viện sức khỏe tâm thần - Bệnh viện Bạch Mai; Trung tâm nghiên cứu và hỗ trợ cai nghiện-Viện châm cứu Trung ương) đã tiếp nhận được 453 lượt người vào cai nghiện tự nguyện.

Các quận, huyện đã ra quyết định quản lý sau cai tại nơi cư trú cho 20 người, tổ chức cai nghiện tại gia đình và cộng đồng cho 103/300 người, đạt 34,3% kế hoạch năm, ước 6 tháng cai nghiện được 130/300, đạt 43,3% kế hoạch năm.

5.2. Trật tự xã hội, an toàn giao thông

Tình hình trật tự xã hội và an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội tháng Năm như sau:

Phạm pháp hình sự: Trong tháng, đã phát hiện 462 vụ phạm pháp hình sự, tăng 10,5% so tháng trước (trong đó, có 356 vụ do công an khám được, tăng 13%); số đối tượng vi phạm bị bắt, giữ theo luật là 512 người, tăng 14,3%.

Phạm pháp về kinh tế: Tháng 5 đã phát hiện 172 vụ, bắt giữ 187 người phạm pháp về kinh tế, giảm 22,5% về số vụ và 15% về đối tượng bắt giữ so với tháng trước. Thu nộp ngân sách 147 tỷ đồng.

Tội nạn xã hội:

- Phát hiện 237 vụ buôn bán, tàng trữ và vận chuyển ma túy, giảm 16% so tháng trước; bắt giữ 320 người, giảm 12,3%. Trong đó, xử lý hình sự 201 vụ, với 250 đối tượng, tương đương mức giảm 19,3% và 19,9% so tháng trước.

- Phát hiện 42 vụ cờ bạc, tăng 27,3% so tháng trước; bắt giữ 287 người, tăng 28,1%; Phát hiện 10 vụ mại dâm, bắt giữ 11 người.

- Phát hiện và xử lý 646 vụ, với 651 đối tượng vi phạm về bảo vệ môi trường; phạt và thu nộp ngân sách 1,1 tỷ đồng.

Trật tự an toàn giao thông: Trong tháng, Toàn thành phố đã xảy ra 129 vụ tai nạn giao thông đường bộ và đường sắt, làm 51 người chết và 128 người bị thương. Trong đó, có 128 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm 50 người chết và 128 người bị thương. *Về mức độ của các vụ tai nạn,* trong tháng đã xảy ra 53 vụ nghiêm trọng, làm chết 51 người và bị thương 37 người; 30 vụ ít nghiêm trọng, làm bị thương 43 người và 46 vụ va chạm, làm bị thương 48 người.

6. Tài chính

6.1. Thu, chi ngân sách nhà nước

6.1.1. Thu ngân sách Nhà nước

Ngay từ đầu năm, các cấp các ngành đã triển khai đồng bộ các giải pháp để tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc: đẩy mạnh cải cách hành chính, tháo gỡ khó khăn trong việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá sử dụng đất, xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính đất đai, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển; tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, xử lý nợ đọng thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giảm dần nợ cũ, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời; ngăn chặn hành vi trốn, lậu thuế, gian lận thuế. Ước 6 tháng đầu năm 2017 thu ngân sách đạt 102.490 tỷ đồng, bằng 50,1% dự toán, tăng 18,2% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 92.331 tỷ đồng, đạt 49,7% dự toán, tăng 17,4% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 1.600 tỷ đồng, đạt 88,9% dự toán, tăng 67,3% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 8.559 tỷ đồng, đạt 49,8% dự toán, tăng 19,8% so cùng kỳ.

Trong tổng thu nội địa, chỉ có khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương là thấp hơn cùng kỳ còn lại các khu vực khác đều tăng cao; Nguyên nhân ảnh hưởng khiến thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương thấp là do hiệu quả hoạt động của nhiều doanh nghiệp chưa đạt như dự kiến, vẫn phải bù lỗ các năm trước, số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp giảm so cùng kỳ. Cụ thể: thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương 17.699 tỷ đồng, đạt 31,4% dự toán, giảm 9,2% so cùng kỳ; khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương 1.483 tỷ đồng, đạt 56,3% dự toán, tăng 27,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 11.726 tỷ đồng, đạt 47,6% dự toán, tăng 21,3%; khu vực ngoài nhà nước 18.461 tỷ đồng, đạt 52,9% dự toán, tăng 25,1% so cùng kỳ.

6.1.2. Chi ngân sách địa phương

Thành phố chỉ đạo các đơn vị thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chi ngân sách các cấp; quản lý, điều hành chi ngân sách bám sát dự toán được HĐND Thành phố giao, kết quả 6 tháng đầu năm 2017 ước thực hiện chi 26.884 tỷ đồng, đạt

34,4% dự toán, tăng 16,6% so cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển 11.185 tỷ đồng, đạt 33,4% dự toán, tăng 14,4% so cùng kỳ. Chi hoạt động sự nghiệp thường xuyên 15.688 tỷ đồng, đạt 37,3% dự toán tăng 18,1% so cùng kỳ (trong đó, chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề 5.250 tỷ đồng, đạt 40,1% dự toán, tăng 15,1% so cùng kỳ; chi sự nghiệp dân số y tế và gia đình 1.677 tỷ đồng, đạt 48,3% dự toán, tăng 36,5% so cùng kỳ; chi các hoạt động kinh tế 1.489 tỷ đồng, đạt 24% dự toán, tăng 18,6% so cùng kỳ; chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể 3.153 tỷ đồng, đạt 44,1% dự toán, tăng 11,2% so cùng kỳ; ...).

6.2. Tín dụng ngân hàng

6.2.1. Hoạt động huy động vốn

Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội tháng Sáu đạt 1.733 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% so tháng trước, tăng 12,6% so cùng kỳ năm 2016 và tăng 5,4% so tháng 12 năm trước. Trong đó, tiền gửi đạt 1.612 nghìn tỷ đồng, tăng 1% so tháng trước, tăng 11,2% so cùng kỳ và tăng 5,6% so tháng 12 năm trước (tiền gửi tiết kiệm chiếm 38,7% và tăng 1% so tháng trước, tăng 9,3% so cùng kỳ, tăng 6,5% so tháng 12); phát hành giấy tờ có giá đạt 121 nghìn tỷ, tăng 0,4% so tháng trước, tăng 34,7% so cùng kỳ và tăng 2,9% so tháng 12 năm trước. Nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, khách hàng, các nhu cầu đầu tư khác cũng như đảm bảo thanh khoản của các tổ chức tín dụng.

6.2.2. Hoạt động tín dụng

Tổng dư nợ cho vay tháng Sáu ước đạt 1.582 nghìn tỷ đồng, tăng 1,3% so tháng trước và tăng 8,2% so tháng 12 năm trước. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn chiếm 55,4% trong tổng dư nợ, tăng 1,1% so tháng trước và tăng 6,4% so tháng 12; dư nợ cho vay trung và dài hạn chiếm 44,6%, tăng 1,4% và tăng 10,4%. Trong tổng dư nợ, dư nợ cho vay chiếm 77,5%, tăng 1,5% so tháng trước và tăng 9,7% so tháng 12; dư nợ cho vay đầu tư chiếm 22,5%, tăng 0,5% và tăng 3,2%.

Dư nợ cho vay theo chương trình: Dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn chiếm 7%; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 41,9%; cho vay bất động sản chiếm 7,9%; cho vay xuất khẩu chiếm 9,8%; cho vay tiêu dùng chiếm 8,9%;... Tính đến hết tháng Năm, tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ chiếm 2,85% và tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ cho vay chiếm 3,69%.

6.3. Thị trường chứng khoán

Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/6, trên cả hai sàn chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 965 doanh (trong đó, HNX có 377 doanh nghiệp niêm yết và Upcom có 588 doanh nghiệp đăng ký giao dịch), với giá trị niêm yết đạt 300.014 tỷ đồng, tăng 25,1% so đầu năm (trong đó, HNX đạt 111.535

tỷ đồng, tăng 1,5%; Upcom đạt 188.479 tỷ đồng, tăng 45%). Giá trị vốn hóa toàn thị trường đạt 599.599 tỷ đồng, tăng 31,8% so đầu năm (trong đó, HNX đạt 178.519 tỷ đồng, tăng 17,6%; Upcom đạt 421.080 tỷ đồng, tăng 38,9%).

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX)

Trong những phiên giao dịch đầu tháng Sáu, thị trường chứng khoán tiếp tục đón nhận những thông tin khả quan như nhà đầu tư nước ngoài liên tục mua ròng cổ phiếu; kết quả kinh doanh quý 2 của một số doanh nghiệp công bố khả quan; đặc biệt, các nhà đầu tư đang kỳ vọng Quốc Hội sẽ bỏ phiếu thông qua Nghị quyết xử lý nợ xấu, khi đó quá trình xử lý nợ xấu sẽ trở nên thông thoáng hơn và từ đó nhiều vấn đề kinh tế khác sẽ được xử lý hiệu quả hơn.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/6, chỉ số HNX index đạt 97,78 điểm, tăng 22% so đầu năm (chỉ số HNX30 đạt 178 điểm, tăng 24% và chỉ số VNX Allshare đạt 1115,68 điểm, tăng 18%).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Sáu, khối lượng giao dịch đạt 715 triệu CP, giá trị đạt 7.244 tỷ đồng (trong đó, giao dịch khớp lệnh đạt 676 triệu CP, giá trị đạt 6.716 tỷ đồng; giao dịch thỏa thuận đạt 39 triệu CP, giá trị giao dịch đạt 528 tỷ đồng). Bình quân một phiên giao dịch có 65 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng đạt 658 tỷ đồng, bằng 102,1% về khối lượng và 96,6% về giá trị so bình quân chung tháng trước.

Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 5.608 triệu CP được chuyển nhượng, giá trị chuyển nhượng đạt 60.145 tỷ đồng, tăng 5,1% về khối lượng và 4,4% về giá trị so cùng kỳ năm trước.

Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom)

Ngày 19/05/2017, Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ký quyết định số 356/QĐ-SGDHN về việc ban hành Bộ nguyên tắc phân bổ UPCoM theo quy mô vốn (Upcom quy mô lớn; Upcom quy mô vừa và Upcom quy mô nhỏ). Theo đó Quyết định này sẽ thay thế cho Quyết định số 282/QĐ-SGDHN ngày 09/05/2016 về việc ban hành Bộ nguyên tắc phân bổ UPCoM Premium trên hệ thống giao dịch UPCoM.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/6, chỉ số Upcom Index đạt 56.89 điểm, tăng 5,7% so đầu năm (chỉ số Upcom Premium đạt 104,59 điểm, tăng 4,9% năm).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Sáu, khối lượng giao dịch đạt 114 triệu CP, giá trị đạt 1.754 tỷ đồng. Bình quân một phiên giao dịch có 10 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng bình quân đạt 159 tỷ đồng, bằng 89,6% về khối lượng và 73,9% về giá trị so bình quân chung của tháng trước.

Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 1.169 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị đạt 19.842 tỷ đồng, tăng 11,9% về khối lượng và 37,1% về giá trị so cùng kỳ năm trước.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư

Tháng Năm, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp được 232 mã số giao dịch cho các nhà đầu tư nước ngoài (trong đó, tổ chức 34; cá nhân 198). Lũy kế từ đầu năm, VSD đã cấp được 979 mã số (trong đó, tổ chức 173; cá nhân 806), tăng 55,4% so cùng kỳ.

Cũng trong tháng Năm, số tài khoản của các nhà đầu tư được cấp mới đạt 17.892 tài khoản (trong đó, NĐT trong nước đạt 17.622; NĐT nước ngoài đạt 270). Lũy kế từ đầu năm, số tài khoản của các NĐT được cấp mới đạt 84.867 tài khoản, tăng 37,2% so cùng kỳ, đưa tổng số tài khoản của các nhà đầu tư hiện có đạt 1.792.336 tài khoản.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Cục Thống kê một số tỉnh, TP;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Khải

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng 05/2017		Ước tính tháng 06/2017		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng Sáu so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 05/2016	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 06/2016	
Toàn ngành	127.69	105.30	130.41	111.62	106.07
Khai khoáng	12.53	105.76	12.54	128.67	62.54
- Khai khoáng khác	12.53	105.76	12.54	128.67	62.54
Công nghiệp chế biến, chế tạo	126.94	105.15	129.63	111.79	106.26
- Sản xuất chế biến thực phẩm	139.69	106.75	138.59	102.38	105.62
- Sản xuất đồ uống	67.03	103.10	80.04	112.25	102.87
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	167.52	107.89	137.24	95.22	105.07
- Dệt	76.95	96.27	77.70	90.31	85.13
- Sản xuất trang phục	241.57	106.13	253.55	127.48	110.37
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	27.24	54.40	26.13	50.65	35.82
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	111.75	87.55	114.95	94.56	92.76
- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	135.79	99.92	133.97	96.50	114.23
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	269.38	77.66	290.19	78.10	98.31
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	123.57	124.42	124.18	121.77	121.19
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	40.49	77.85	41.09	99.26	95.29
- Sản xuất kim loại	53.79	97.32	60.32	104.27	103.20
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	67.57	92.48	65.81	98.26	102.51
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	73.40	114.15	77.64	113.15	107.17
- Sản xuất thiết bị điện	109.37	102.85	107.13	103.61	111.53

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng 05/2017		Ước tính tháng 06/2017		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng Sáu so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 05/2016	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 06/2016	
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	50.86	110.55	53.57	112.14	107.30
- Sản xuất xe có động cơ	172.82	96.37	173.41	92.48	93.76
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	223.15	117.41	225.66	138.85	112.10
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	689.89	161.97	696.70	137.13	135.44
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	168.37	109.84	173.08	108.71	108.56
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	168.37	109.84	173.08	108.71	108.56
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	143.46	107.78	146.04	104.23	102.99
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước	142.44	97.66	144.49	100.56	101.14
- Thoát nước và xử lý nước thải	192.69	125.24	197.55	108.94	103.53
- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	101.50	107.41	102.89	105.07	106.52

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU NGÀNH CÔNG NGHIỆP

	Đơn vị tính	Ước tính		% So sánh	
		Thực hiện tháng 06	Thực hiện 6T 2017	T 6/2017 T 5/2017	6T/2017 6T/2016
- Bánh và kẹo các loại	Tấn	1556	12683	86.5	105.3
- Bia đóng chai	1000 Lít	20999	82907	114.5	104.9
- Thuốc lá có đầu lọc	1000 Bao	96200	630374	81.9	105.1
- Vải dệt kim hoặc móc khác	1000 M ²	135	743	104.7	96.1
- Áo khoác dài, áo khoác không tay, áo khoác có mũ, áo gió cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	81	462	102.5	82.4
- Áo sơ mi cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	3893	20307	108.9	103.4
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần sóc cho người lớn không dệt kim	1000 Cái	1453	8213	105.7	97.6
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, váy, quần dài, quần sóc cho trẻ em không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	1584	10038	94.7	120.1
- Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	5152	29553	104.3	129.4
- Bộ quần áo thể thao khác	1000 Cái		618	-	17.8
- Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	8288	50276	97.6	121.6
- Sản phẩm mây, tre đan các loại	1000 cái	2781	17008	110.8	81.2
- Giấy và bìa không tráng khác, dùng để viết, in và dùng cho mục đích in ấn	Tấn	3075	15552	90.9	93.0
- Giấy và bìa khác (Giấy than, giấy duplex khổ lớn)	Tấn	1896	10240	101.9	68.9
- Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	1000 Chiếc	8407	45783	90.9	106.7
- Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh và các sản phẩm vệ sinh tương tự	Tấn	193	911	104.9	84.7
- Sổ sách, vở, giấy thép	Tấn	3551	33733	111.7	118.5
- Phân bón các loại	Tấn	29363	182286	71.5	101.6
- Thuốc trừ sâu khác và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	Tấn	1564	7205	103.6	120.8
- Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu Viên	258	1420	100.8	97.9
- Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Kg	284756	1543145	110.6	111.0
- Dung dịch đạm huyết thanh	1000 Lít	823	4823	109.1	131.6
- Vắc xin dùng làm thuốc thú y	1000 Liều		33288	-	27.9
- Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 Viên	57077	301119	101.0	89.6
- Sản phẩm gia dụng và các sản phẩm phục vụ vệ sinh khác bằng sứ (trừ bộ đồ ăn và bộ đồ nhà bếp)	1000 Cái	133	644	104.7	109.9

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU NGÀNH CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

	Đơn vị tính	Ước tính		% So sánh	
		Thực hiện tháng 06	Thực hiện 6T 2017	$\frac{T\ 6/2017}{T\ 5/2017}$	$\frac{T\ 2017}{6T\ 2016}$
- Sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	1000 Cái	125	761	116.8	104.2
- Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	138899	728446	88.2	104.3
- Tấm lợp bằng kim loại	Tấn	12646	63884	97.4	101.1
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng nhôm	M ²	847	4116	110.1	3.0
- Máy in-copy, in bằng công nghệ in phun có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu	Cái	507717	2605927	105.9	103.2
- Trạm (thiết bị) thu phát gốc	1000 Cái	178	907	109.8	91.4
- Thiết bị và dụng cụ quang học khác chưa được phân vào đầu	1000 Cái	1473	8547	100.5	127.5
- Động cơ xoay chiều khác, đa pha có công suất bằng 750W	Chiếc	3424	19951	90.1	93.6
- Máy biến thế điện sử dụng điện môi lỏng các loại	Chiếc	330	1551	109.3	130.3
- Máy biến áp dùng cho thiết bị đo lường có công suất = 1 kVA	Chiếc	2199	12480	128.1	97.4
- Máy biến thế điện khác có công suất > 16 kVA	Chiếc	153	410	91.6	53.5
- Bộ phận của thiết bị phân phối và điều khiển điện	Tấn	6	35	100.0	56.5
- Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	Cái	74178	332724	101.5	106.7
- Quạt bàn, quạt sàn, quạt tường, quạt cửa sổ, quạt trần hoặc quạt mái... công suất không quá 125W	1000 Cái	254	2224	71.1	108.7
- Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chớ được từ 10 người trở lên với tổng tải trọng = 6 tấn	Chiếc	852	5512	97.0	119.6
- Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston các loại	Chiếc	952	5929	100.7	80.5
- Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	1000 Cái	557	3015	98.4	98.4
- Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 Cái	32902	195026	105.0	108.4
- Xe mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh >50 cc nhưng =250cc	Chiếc	70514	495428	101.8	101.8
- Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Tấn	11092	64206	100.9	115.9
- Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	11060	72383	100.4	120.3
- Giường bằng gỗ các loại	Chiếc	24300	147680	100.3	95.9
- Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Chiếc	40674	250100	101.0	126.3
- Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	806117	3972175	100.9	137.6
- Điện thương phẩm	Triệu Kwh	1285	7202	102.8	108.6
- Nước uống được	1000 M ³	19738	116723	101.4	101.1

VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỊA BÀN

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

	6T 2016	6T 2017	$\frac{6T\ 2017}{6T\ 2016}$
TỔNG SỐ	106692	117281	109.9
I. Vốn Nhà nước trên địa bàn	46074	47245	102.5
1. Vốn Trung ương quản lý	31157	32017	102.8
2. Vốn địa phương quản lý	14917	15228	102.1
II. Vốn ngoài Nhà nước	50207	58867	117.2
1. Vốn tự có của tổ chức, DN ngoài Nhà nước	37959	43068	113.5
2. Vốn đầu tư của dân cư	12248	15799	129.0
III. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	10411	11169	107.3
1. Vốn tự có	6279	6689	106.5
2. Vốn vay	4132	4480	108.4

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

I. TỔNG MỨC LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG XÃ HỘI

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 06	Thực hiện 6T 2017	<u>T 06/2017</u> <u>T 05/2017</u>	<u>6T 2017</u> <u>6T 2016</u>
1. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	187491	1105519	100.8	107.2
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	54600	322612	100.5	108.9
+ Kinh tế ngoài nhà nước	124014	730180	100.9	106.5
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	8877	52727	100.5	107.6
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	128200	766799	100.7	107.3
+ Khách sạn - nhà hàng	4090	24763	100.9	108.2
+ Du lịch lữ hành	820	4983	102.1	104.1
+ Dịch vụ	54381	308974	101.1	107.1
2. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	44154	258823	101.1	107.1
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	6150	35709	101.6	106.3
+ Kinh tế ngoài nhà nước	33334	195446	101.1	107.3
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4670	27668	100.8	106.4
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	22000	129962	101.0	107.1
+ Khách sạn - nhà hàng	4090	24763	100.9	108.2
+ Du lịch lữ hành	820	4983	102.1	104.1
+ Dịch vụ	17244	99116	101.2	106.9
3. Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)				
+ Kinh tế Nhà nước	13.9	13.8	-	-
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	75.5	75.5	-	-
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	10.6	10.7	-	-

II. KIM NGẠCH XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Ước tính		% so sánh	
	Thực hiện tháng 06	Thực hiện 6T 2017	$\frac{T\ 06/2017}{T\ 05/2017}$	$\frac{6T\ 2017}{6T\ 2016}$
Tổng kim ngạch XK trên địa bàn	1059	5789	97.3	112.1
<i>Trong đó: XK địa phương</i>	<i>882</i>	<i>4806</i>	<i>97.4</i>	<i>114.6</i>
Chia theo thành phần kinh tế				
- Kinh tế nhà nước	193	1073	96.8	101.1
- Kinh tế ngoài nhà nước	334	1818	97.5	106.6
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	532	2898	97.4	120.8
Chia theo nhóm hàng chủ yếu				
- Hàng nông sản	93	498	96.9	92.0
<i>Trong đó: + Gạo</i>	<i>37</i>	<i>174</i>	<i>94.9</i>	<i>112.5</i>
+ Cà phê	31	171	93.9	112.1
+ Hạt tiêu	12	60	92.3	75.1
+ Chè	8	39	107.1	112.1
- Hàng may, dệt	108	648	104.9	93.9
- Giày dép các loại và SP từ da	21	116	105.0	94.7
- Hàng điện tử	55	288	101.9	138.2
- Linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi	150	817	93.8	129.6
- Hàng thủ công mỹ nghệ	17	90	106.3	104.4
- Xăng dầu (tạm nhập, tái xuất)	77	391	98.7	158.1
- Máy móc thiết bị phụ tùng	137	765	101.5	121.5
- Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	33	181	97.1	100.7
- Phương tiện vận tải và phụ tùng	88	462	101.1	130.0
- Hàng hoá khác	280	1533	91.8	104.0

III. KIM NGẠCH NHẬP KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 06	Thực hiện 6T 2017	$\frac{T\ 06/2017}{T\ 05/2017}$	$\frac{6T\ 2017}{6T\ 2016}$
Tổng kim ngạch NK trên địa bàn	2557	14233	101.1	120.7
<i>Trong đó: NK địa phương</i>	<i>1136</i>	<i>6301</i>	<i>100.9</i>	<i>120.2</i>
Chia theo thành phần kinh tế				
- Kinh tế nhà nước	1573	8748	101.1	121.5
- Kinh tế ngoài nhà nước	435	2439	100.8	123.3
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	549	3046	101.1	116.5
Chia theo nhóm hàng chủ yếu				
- Máy móc thiết bị, phụ tùng	557	3154	99.5	106.9
- Vật tư, nguyên liệu (trừ xăng dầu)	780	4475	98.7	106.5
<i>Trong đó: + Sắt thép</i>	<i>170</i>	<i>839</i>	<i>101.2</i>	<i>115.6</i>
<i>+ Phân bón</i>	<i>19</i>	<i>121</i>	<i>105.6</i>	<i>124.9</i>
<i>+ Hoá chất</i>	<i>44</i>	<i>202</i>	<i>102.3</i>	<i>137.7</i>
<i>+ Chất dẻo</i>	<i>80</i>	<i>438</i>	<i>94.1</i>	<i>123.5</i>
<i>+ Xăng dầu</i>	<i>330</i>	<i>1791</i>	<i>92.4</i>	<i>126.8</i>
- Hàng hoá khác	1220	6604	103.4	142.3

IV. HOẠT ĐỘNG NGÀNH VẬN TẢI

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 06	Thực hiện 6T 2017	<u>T 06/2017</u> <u>T 05/2017</u>	<u>6T 2017</u> <u>6T 2016</u>
1. Doanh thu (Tỷ đồng)	6668	39295	100.8	107.2
a. Chia theo thành phần kinh tế				
+ Kinh tế Nhà nước	976	5794	100.3	106.6
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	4256	24976	101.0	107.4
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1436	8525	100.6	107.3
b. Chia theo ngành hoạt động				
+ Vận tải hàng hoá	2356	13896	101.0	107.9
+ Vận tải hành khách	1112	6476	100.6	107.1
+ Hỗ trợ vận tải (cảng, b.xếp, đại lý vận tải...)	3200	18923	100.8	106.8
2. Sản lượng				
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển (Triệu T)	57	337	100.9	107.5
- Khối lượng hàng hoá luân chuyển (Triệu T.Km)	4692	27526	100.9	108.6
- Số lượt hành khách vận chuyển (Triệu HK)	44	258	100.5	105.9
- Số lượt HK luân chuyển (Triệu HK.Km)	1330	7709	100.8	108.9

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ LƯU TRÚ, ĂN UỐNG, DU LỊCH LỮ HÀNH

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 06	Thực hiện 6T 2017	$\frac{T\ 06/2017}{T\ 05/2017}$	$\frac{6T\ 2017}{6T\ 2016}$
A. Doanh thu (Tỷ đồng)	4910	29746	101.1	107.5
<i>I. Phân theo loại hình kinh tế</i>				
1. Kinh tế nhà nước	200	1281	100.3	102.0
2. Kinh tế ngoài nhà nước	3967	23872	101.2	108.0
3. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	743	4593	100.6	106.3
<i>II. Phân theo ngành hoạt động</i>				
1. Doanh thu lưu trú	720	2302	100.5	103.6
2. Doanh thu ăn uống	3370	88	101.0	109.2
3. Doanh thu lữ hành	820	27356	102.1	104.1
B. Khách du lịch (1000 Lượt khách)				
<i>I. Khách đến Hà Nội</i>	1053	6642	98.3	108.1
a. Khách trong nước	818	4896	100.2	105.1
<i>Chia ra</i>				
- Khách trong ngày	371	2214	99.6	108.8
- Khách ngủ qua đêm	447	2682	100.7	102.2
b. Khách quốc tế (do cơ sở lưu trú phục vụ)	235	1746	92.2	117.3
<i>II. Khách do cơ sở lữ hành phục vụ</i>	137	848	101.2	119.2
- Khách quốc tế	67	458	99.4	124.1
- Khách trong nước	70	390	103.0	114.0

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ TẠI HÀ NỘI

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng Sáu so với			Bình quân cùng kỳ
	Tháng trước	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	
1. Chỉ số giá tiêu dùng	99.71	101.88	99.18	103.86
- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	99.10	96.63	96.19	99.24
+ Lương thực	99.19	100.95	101.18	103.06
+ Thực phẩm	98.76	94.84	94.18	98.24
+ Ăn uống ngoài gia đình	100.00	100.03	100.00	100.64
- Đồ uống và thuốc lá	100.46	102.27	101.79	102.19
- May mặc, mũ nón, giày dép	100.09	101.04	100.11	101.28
- Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	100.88	102.55	101.35	102.76
- Thiết bị và đồ dùng gia đình	100.14	101.23	100.64	101.28
- Thuốc và dịch vụ y tế	100.01	127.09	100.11	136.79
- Giao thông	99.38	104.46	102.15	108.53
- Bưu chính viễn thông	100.00	99.91	100.00	99.91
- Giáo dục	100.00	110.75	103.27	111.97
- Văn hoá, giải trí và du lịch	100.39	101.13	101.03	101.11
- Hàng hoá và dịch vụ khác	100.06	101.55	100.80	101.90
2. Chỉ số giá vàng	100.60	103.32	103.03	105.92
3. Chỉ số giá Đô la Mỹ	99.95	101.58	100.08	101.63

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

	Đơn vị tính	Chính thức vụ đông xuân 2016	Ước tính vụ đông xuân 2017	% So sánh
I. Nông nghiệp				
1. Trồng trọt				
Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha			
- Lúa	"	99453	96903	97.4
- Ngô	"	15876	14896	93.8
- Khoai lang	"	3126	2836	90.7
- Đậu tương	"	11124	7305	65.7
- Rau các loại	"	23635	24736	104.7
Năng suất	Tạ/ha			
- Lúa		60.9	61.2	100.4
- Ngô		49.2	49.3	100.2
- Khoai lang		100	106	106.2
- Đậu tương		16	17	111.4
- Rau các loại		211	215	102.2
Sản lượng	Tấn			
- Lúa		605656	592597	97.8
- Ngô		78064	73383	94.0
- Khoai lang		31274	30127	96.3
- Đậu tương		17324	12677	73.2
- Rau các loại		497980	532676	107.0
2. Chăn nuôi (*)				
- Đàn Trâu	1000 con	25	24	96.8
- Đàn Bò	"	147	138	94.1
- Đàn Lợn	"	1543	1653	107.1
- Đàn gia cầm	Triệu con	26	28	106.2
II. Lâm nghiệp				
- Sản lượng gỗ khai thác	M ³	4377	4481	102.4
- Sản lượng củi khai thác	Ste	22900	23289	101.7
III. Thủy sản				
- Diện tích thủy sản nuôi trồng	Ha	20158	20771	103.0
- Sản lượng thủy sản	Tấn	40850	43260	105.9

(*) là số liệu tính đến thời điểm ngày 1 tháng báo cáo

TÌNH HÌNH TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

	Đơn vị tính	Tháng 05/2017
1. Số vụ phạm pháp hình sự	Vụ	462
<i>Trong đó:</i>		
- Số vụ khám phá	Vụ	356
- Đối tượng bị bắt giữ	người	512
2. Tội phạm pháp kinh tế		
- Số vụ phát hiện và bắt giữ	Vụ	172
- Đối tượng bị bắt giữ	người	187
3. Tội phạm ma túy		
- Số vụ phát hiện và bắt giữ	Vụ	237
- Đối tượng bị bắt giữ	người	320
4. Tội phạm môi trường		
- Số vụ phát hiện và xử lý	Vụ	646
- Đối tượng bị xử lý	người	651
5. Trật tự an toàn giao thông		
- Số vụ tai nạn	Vụ	129
- Số người chết	Người	51
- Số người bị thương	Người	128

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Thực hiện tháng 05/2017	Ước tính tháng 06/2017	% So sánh	
			<u>T 06/2017</u> <u>T 05/2017</u>	<u>T 06/2017</u> <u>T 12/2016</u>
I. Nguồn vốn huy động	1717445	1733074	100.9	105.4
1. Tiền gửi	1596933	1612091	100.9	105.6
- Tiền gửi tiết kiệm	618127	624371	101.0	106.5
- Tiền gửi thanh toán	978806	987720	100.9	105.0
2. Phát hành giấy tờ có giá	120512	120983	100.4	102.9
Trong đó: Đồng Việt Nam	120367	120836	100.4	102.9
II. Tổng dư nợ	1562514	1582046	101.3	108.2
- Dư nợ ngắn hạn	867113	876693	101.1	106.4
- Dư nợ trung và dài hạn	695402	705353	101.4	110.4

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Tỷ đồng

	Ước thực hiện 6T năm 2017	% so sánh	
		$\frac{6T\ 2017}{D.toán\ năm}$	$\frac{6T\ 2017}{6T\ 2016}$
I. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	102490	50.1	118.2
1. Thu dầu thô	1600	88.9	167.3
2. Thu nội địa không kể dầu thô	92331	49.7	117.4
3. Thu từ hoạt động XNK	8559	49.8	119.8
<i>Trong đó:</i>			
- Khu vực DNNN Trung ương	17699	31.4	90.8
- Khu vực DNNN địa phương	1483	56.3	127.5
- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	11726	47.6	121.3
- Khu vực CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh	18461	52.9	125.1
- Thu lệ phí trước bạ	2800	55.7	92.8
- Thuế thu nhập cá nhân	9830	51.2	126.1
- Thu phí và lệ phí tính cân đối ngân sách	3450	48.9	146.7
- Thu tiền sử dụng đất	14800	74.0	104.2
II- TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	26884	34.4	116.6
<i>Trong đó:</i>			
1. Chi đầu tư phát triển	11185	33.4	114.4
Trong đó: Chi đầu tư XD CB	10385	32.8	108.5
2. Chi thường xuyên	15688	37.3	118.1
<i>Trong đó</i>			
- Chi các hoạt động kinh tế	1489	24.0	118.6
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5250	40.1	115.1
- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1677	48.3	136.5
- Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	3153	44.1	111.2
3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10	100.0	-